

Bản án số:01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-01-2022.

Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Dương Ngô Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19-01-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 03-12-2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16-12-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ninh Đắc Th, sinh năm 1940(có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn ĐH, xã ĐS, huyện YT, tỉnh BG.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1957 - (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã TS, huyện YT, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ông Ninh Đắc Th trình bày:**

Ông Th, bà Kh có tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện YT, tỉnh BG vào ngày 02/12/2013. Sau khi đăng ký thì vợ

chồng ông Th, bà Kh chung sống với nhau ở thôn C, xã TS, huyện YT, tỉnh BG. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông Th tuổi cao, sức yếu nên thường xuyên ốm đau, bệnh tật, và đi bệnh viện bà Kh không quan tâm chăm sóc, không đi bệnh viện chăm nuôi. Đến tháng 10/2021 ông Th đã về ở cùng các con ở thôn ĐH, xã ĐS, huyện YT, tỉnh BG. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không ông Th xin ly hôn bà Kh. Về con chung, tài sản, công nợ: Vợ chồng ông không có nên không yêu C Tòa án giải quyết.

**** Tại đơn biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị Kh trình bày:***

Bà có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với ông Th tại Ủy ban nhân dân xã ĐS, huyện YT, tỉnh BG vào ngày 02/12/2013. Sau khi đăng ký thì vợ chồng chung sống với nhau ở thôn C, xã TS, huyện YT, tỉnh BG. Vợ chồng bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Không có mâu thuẫn gì. Thời gian gần đây do ông Th tuổi cao, hay ốm đau, bà thì bận trông cháu nên không có điều kiện trông nom ông chu đáo. Vì vậy tháng 10/2021 các con ông Th đã đón ông về ĐS ăn ở từ đó đến nay do tác động của các con nên ông Th mới xin ly hôn chứ thực tế vợ chồng bà không có mâu thuẫn, vẫn yêu thương nhau. Vì vậy ông Th xin ly hôn bà không đồng ý.

Về con chung, tài sản, công nợ: Vợ chồng bà không có nên không yêu C Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ông Đỗ Văn Tự là trưởng thôn C, xã TS, huyện YT, tỉnh BG cung cấp: Ông Kh, bà Th kết hôn năm 2013 và có chung sống với nhau tại địa phương, nhưng hay đi lại ở cả hai bên cả ĐS và TS nên địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa ông Kh, bà Th. Chỉ thấy thời gian gần đây địa phương không thấy ông Th về ĐS ăn ở, bà Th thì ở TS, hai vợ chồng không chung sống với nhau nữa. nguyên nhân tại sao thì địa phương không nắm được. Về con chung bà Kh, ông Th không có con chung. Tài sản, công nợ thì địa phương không nắm được.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình xử cho ông Th được ly hôn bà Kh. Về án phí: Ông Ninh Đắc Th thuộc đối tượng người cao tuổi nên miễn án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Th xin ly hôn bà Kh; ông Th, bà Kh đều có hộ khẩu thường trú tại huyện YT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, phiên tòa mở ngày 19/01/2022 bà Kh vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Th, bà Kh.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Th, bà Kh có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐS. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của ông Th, bà Kh và ông Tự có đủ cơ sở khẳng định: Vợ chồng ông Th, bà Khai chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do ông Th tuổi cao, bệnh tật, thường xuyên ốm đau, bà Kh không quan tâm chăm sóc được ông Th, nên ông Th đã về chung sống cùng các con tại ĐS. Vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm ai, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc ông Th xin ly hôn bà Kh là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung, ông Th, bà Kh xác định không có nên hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Ninh Đắc Th thuộc đối tượng người cao tuổi nên miễn tiền án phí hôn nhân sơ thẩm cho ông Ninh Đắc Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu C khởi kiện của ông Ninh Đắc Th: Xử cho ông Ninh Đắc Th được ly hôn bà Nguyễn Thị Kh.

3. Về tiền án phí: Miễn tiền án phí hôn nhân sơ thẩm cho ông Ninh Đắc Th.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh